| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN BIÊN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2020/HNGĐ–ST
Ngày: 28 - 7 -2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX - ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị T1**, sinh năm 1982;

Cư trú tại: Khu phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh **Trần Văn Tốt**, sinh năm 1979;

Cư trú tại: Khu phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Dương Thị T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T2 tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ tháng 06/2019 vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về những mâu thuẫn trong cuộc

sống hằng ngày. Anh T2 không cùng chị chăm lo gia đình, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T2.

- Về con chung: Chị và anh Tốt chung sống có 02 con chung là Trần Thị Anh T3, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2001 và Trần Thị Anh T4, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2007 hiện đang sống với vợ chồng chị. Cháu Anh T3 đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T4, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2020, bị đơn anh Trần Văn T2 trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Dương Thị T2 về thời gian chung sống, kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu được đoàn tụ với chị T1 để cùng chăm sóc cho con.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T1 về họ tên, ngày, tháng, năm sinh của 02 người con chung. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị T1 trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh T2 vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T1 yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T2. Chị T1 và anh T2 còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Trần Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị T1 và anh Trần Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2 với lý do vợ chồng không hợp nhau, ngoài lời trình bày chị T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh về tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T2 mâu thuẫn trầm trọng. Anh T2 cho rằng giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 chưa đến mức trầm trọng, còn có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị T1 chưa thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị T1 đối với anh Trần Văn T2.

[3] Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**1**. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T1 yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T2.

Chị Dương Thị T1 với anh Trần Văn T2 tiếp tục còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Chị Dương Thị T1 được quyền khởi kiện lại về việc ly hôn sau một năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị T2 có yêu cầu.

**2.** Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007106 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Dương Thị T1 đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T2 vắng mặt nên thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Oanh-Đã ký**